



VILAS 058

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

22.797/1DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

26/9/2022

Trang 1/2

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN KCN DẦU GIÂY
Km 2, TL 769, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Đầu vào HTXLNT
3. Tên mẫu : Nước thải
4. Ký hiệu mẫu : NT1
5. Ngày lấy mẫu : 08/9/2022
6. Ngày nhận mẫu : 09/9/2022
7. Thời gian thử nghiệm : 08/9/2022 - 26/9/2022
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả : Xem trang 2/2

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM**Lê Thị Thúy Phương****KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC****Phạm Thị Phương Lan**

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

26/9/2022

Trang 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN40:2011/ BINMT Cột A Kq=09;Kf=10
1	pH		TCVN 6492:2011	7,73	6 - 9
2	Màu	Pt - Co	SMEWW 2120 C:2017	26	50
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	SMEWW 5210 B:2017	7	27
4	COD	mg/L	SMEWW 5220 C:2017	20	68
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	11	45
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	3,56	4,5
7	Tổng nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	19,0	18
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,37	3,6
9	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B & D:2017	< 0,1	0,18
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520 B & F: 2017	< 0,5	4,5
11	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114 B & C:2017	< 0,001	0,045
12	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	< 0,0005	0,0045
13	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,09
14	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,001	0,045
15	Crôm VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	< 0,01	0,045
16	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	0,0073	1,8
17	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	0,71	2,7
18	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,53	0,9
19	Crôm III (Cr ³⁺)(*)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017 & SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,18
20	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2017	7,9x10 ³	3.000

Chú thích:

SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

(*) : Thông số chưa được VILAS công nhận

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
- Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



VILAS 058

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

22.797/2DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

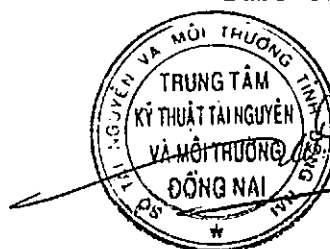
26/9/2022

Trang 1/2

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN KCN DẦU GIÂY
Km 2, TL 769, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Đầu ra HTXLNT
3. Tên mẫu : Nước thải
4. Ký hiệu mẫu : NT2
5. Ngày lấy mẫu : 08/9/2022
6. Ngày nhận mẫu : 09/9/2022
7. Thời gian thử nghiệm : 08/9/2022 - 26/9/2022
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả : Xem trang 2/2

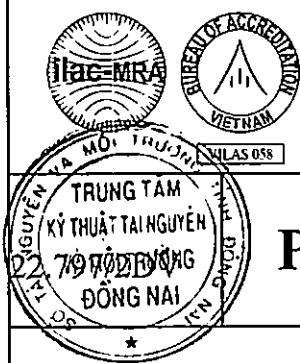
TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phương

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

26/9/2022
Trang 2/2

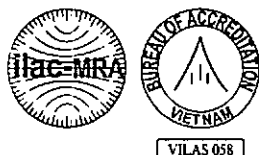
STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN40:2011/ BTNMT Cột A K _q =0,9; K _f =1,0
1	pH		TCVN 6492:2011	7,37	6 - 9
2	Màu	Pt - Co	SMEWW 2120 C:2017	15	50
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	SMEWW 5210 B:2017	3	27
4	COD	mg/L	SMEWW 5220 C:2017	10	68
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	< 6	45
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,069	4,5
7	Tổng nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	8,59	18
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,77	3,6
9	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B & D:2017	< 0,1	0,18
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520 B & F: 2017	< 0,5	4,5
11	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114 B & C:2017	< 0,001	0,045
12	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	< 0,0005	0,0045
13	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,09
14	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,001	0,045
15	Crôm VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	< 0,01	0,045
16	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,004	1,8
17	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	0,060	2,7
18	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,26	0,9
19	Crôm III (Cr ³⁺)(*)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017 & SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,18
20	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2017	2,3x10 ¹	3.000

Chú thích:

SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

(*) : Thông số chưa được VILAS công nhận

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



22.797/3DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

26/9/2022

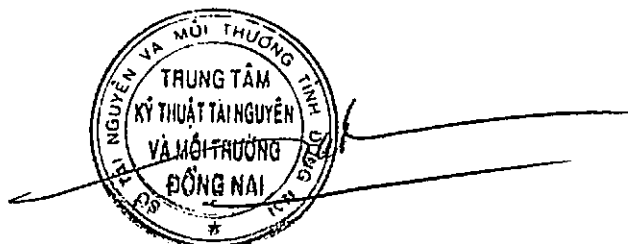
Trang 1/2

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN KCN DẦU GIÂY
Km 2, TL 769, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Tại điểm xả ra Suối Bí
3. Tên mẫu : Nước thải
4. Ký hiệu mẫu : NT3
5. Ngày lấy mẫu : 08/9/2022
6. Ngày nhận mẫu : 09/9/2022
7. Thời gian thử nghiệm : 08/9/2022 - 26/9/2022
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả : Xem trang 2/2

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

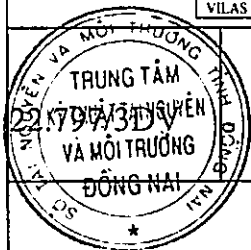


Phạm Thị Phương Lan



VILAS 058

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

26/9/2022

Trang 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN40:2011/ BTNMT Cột A Kq=0,9; Kf=1,0
1	pH		TCVN 6492:2011	7,64	6 - 9
2	Màu	Pt - Co	SMEWW 2120 C:2017	14	50
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	SMEWW 5210 B:2017	3	27
4	COD	mg/L	SMEWW 5220 C:2017	8	68
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	< 6	45
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,16	4,5
7	Tổng nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	6,02	18
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,57	3,6
9	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B & D:2017	< 0,1	0,18
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520 B & F: 2017	< 0,5	4,5
11	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114 B & C:2017	< 0,001	0,045
12	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	< 0,0005	0,0045
13	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,09
14	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,001	0,045
15	Crôm VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	< 0,01	0,045
16	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,004	1,8
17	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,05	2,7
18	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,058	0,9
19	Crôm III (Cr ³⁺)(*)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017 & SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,18
20	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2017	4,9x10 ¹	3.000

Chú thích:

SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

(*) : Thông số chưa được VILAS công nhận

1 Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2 Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3 Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



VILAS 058

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

22.797/4DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

26/9/2022

Trang 1/2

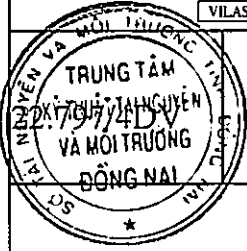
1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN KCN DẦU GIÂY
Km 2, TL 769, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Từ HTXLNT
3. Tên mẫu : Bùn thải
4. Ký hiệu mẫu : B1
5. Ngày lấy mẫu : 08/9/2022
6. Ngày nhận mẫu : 09/9/2022
7. Thời gian thử nghiệm : 09/9/2022 - 21/9/2022
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả : Xem trang 2/2

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM**Lê Thị Thúy Phương****KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC****Phạm Thị Phương Lan**

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

26/9/2022
Trang 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT	
					Ngưỡng CTNH	
					Hàm lượng tuyệt đối H _{ic} (ppm)	Nồng độ ngâm chiết C _{ic} (mg/L)
1	Asen (As)	mg/L	USEPA 1311:1992 & SMEWW 3120 B:2017	< 0,1	-	2
2	Bari (Ba)	mg/L		< 0,1	-	100
3	Cadimi (Cd)	mg/L		< 0,01	-	0,5
4	Bạc (Ag)	mg/L		< 0,1	-	5
5	Chì (Pb)	mg/L		< 0,01	-	15
6	Coban (Co)	mg/L		< 0,05	-	80
7	Kẽm (Zn)	mg/L		8,71	-	250
8	Selen (Se)	mg/L		< 0,1	-	1
9	Niken (Ni)	mg/L		< 0,05	-	70
10	Thủy ngân (Hg)	mg/L	USEPA 1311:1992 & TCVN 7877:2008	< 0,0005	-	0,2
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	USEPA 1311:1992 & SMEWW 3500-Cr B:2017	< 0,05	-	5
12	Tổng xyanua (CN ⁻)	ppm	USEPA 9013:2004 & USEPA 9010:2004 & USEPA 9014:1996	2,53	130	-
13	Tổng dầu	mg/L	USEPA 1311:1992 & SMEWW 5520 B:2017	< 5	-	50
14	Tỷ số T		Tk.TCVN 6648:2000	0,18	-	-
15	Phenol (*)	mg/L	USEPA Method 1311 & USEPA Method 8041A	KPH (LOD=0,5)	-	1.000

Chú thích:

SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

USEPA : United States Environmental Protection Agency

Tk : Tham khảo

KPH : Không phát hiện

LOD : Giới hạn phát hiện

(*) : Do Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thực hiện theo Phiếu kết quả thử nghiệm số KT3-04463BMT2 ngày 15/9/2022

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



VILAS 058

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

22.1044/1DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/11/2022

Trang 1/2

- Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN KCN DẦU GIÂY
Km 2, TL 769, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, Đồng Nai
- Vị trí lấy mẫu : Dầu vào HTXLNT
- Tên mẫu : Nước thải
- Ký hiệu mẫu : NT1
- Ngày lấy mẫu : 10/11/2022
- Ngày nhận mẫu : 10/11/2022
- Thời gian thử nghiệm : 10/11/2022 - 28/11/2022
- Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Kết quả : Xem trang 2/2

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phương

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Phương Lan

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
- Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

22.1044/2022

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/11/2022

Trang 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN40:2011/ BINMT Cột A K _f =0,9; K _f =1,0
1	pH		TCVN 6492:2011	7,62	6 - 9
2	Màu	Pt - Co	SMEWW 2120 C:2017	35	50
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	SMEWW 5210 B:2017	22	27
4	COD	mg/L	SMEWW 5220 C:2017	49	68
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	20	45
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	34,6	4,5
7	Tổng nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	51,3	18
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,15	3,6
9	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B & D:2017	< 0,1	0,18
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520 B & F: 2017	< 0,5	4,5
11	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114 B & C:2017	< 0,001	0,045
12	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	< 0,0005	0,0045
13	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,09
14	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,001	0,045
15	Crôm VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	< 0,01	0,045
16	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,004	1,8
17	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	0,68	2,7
18	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	1,47	0,9
19	Crôm III (Cr ³⁺)(*)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017 & SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,18
20	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2017	2,4x10 ⁴	3.000

Chú thích:

SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

(*) : Thông số chưa được VILAS công nhận

2

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



22.1044/2DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/11/2022

Trang 1/2

- Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN KCN DẦU GIÂY
Km 2, TL 769, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, Đồng Nai
- Vị trí lấy mẫu : Đầu ra HTXLNT
- Tên mẫu : Nước thải
- Ký hiệu mẫu : NT2
- Ngày lấy mẫu : 10/11/2022
- Ngày nhận mẫu : 10/11/2022
- Thời gian thử nghiệm : 10/11/2022 - 28/11/2022
- Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Kết quả : Xem trang 2/2

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

22.1044/2022

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/11/2022

Trang 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN40:2011/ BINMT Cột A Kq=0,9; Kf=1,0
1	pH		TCVN 6492:2011	7,47	6 - 9
2	Màu	Pt - Co	SMEWW 2120 C:2017	15	50
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	SMEWW 5210 B:2017	3	27
4	COD	mg/L	SMEWW 5220 C:2017	12	68
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	< 6	45
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,098	4,5
7	Tổng nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	9,93	18
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,17	3,6
9	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B & D:2017	< 0,1	0,18
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520 B & F: 2017	< 0,5	4,5
11	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114 B & C:2017	< 0,001	0,045
12	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	< 0,0005	0,0045
13	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,09
14	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,001	0,045
15	Crôm VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	< 0,01	0,045
16	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,004	1,8
17	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	0,061	2,7
18	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	< 0,05	0,9
19	Crôm III (Cr ³⁺)(*)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017 & SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,18
20	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2017	< 2	3.000

Chú thích:

SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

(*) : Thông số chưa được VILAS công nhận

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

22.1044/3DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/11/2022

Trang 1/2

- Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN KCN DẦU GIÂY
Km 2, TL 769, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, Đồng Nai
- Vị trí lấy mẫu : Tại điểm xả thải ra Suối Bí
- Tên mẫu : Nước thải
- Ký hiệu mẫu : NT3
- Ngày lấy mẫu : 10/11/2022
- Ngày nhận mẫu : 10/11/2022
- Thời gian thử nghiệm : 10/11/2022 - 28/11/2022
- Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Kết quả : Xem trang 2/2

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phương

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

22.1044/3DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/11/2022

Trang 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN40:2011/ BINMT Cột A Kq=0,9; Kf=1,0
1	pH		TCVN 6492:2011	7,50	6 - 9
2	Màu	Pt - Co	SMEWW 2120 C:2017	16	50
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	SMEWW 5210 B:2017	5	27
4	COD	mg/L	SMEWW 5220 C:2017	20	68
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	6	45
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,096	4,5
7	Tổng nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	10,5	18
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,26	3,6
9	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B & D:2017	< 0,1	0,18
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520 B & F: 2017	< 0,5	4,5
11	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114 B & C:2017	< 0,001	0,045
12	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	< 0,0005	0,0045
13	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,09
14	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,001	0,045
15	Crôm VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	< 0,01	0,045
16	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,004	1,8
17	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	0,093	2,7
18	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,33	0,9
19	Crôm III (Cr ³⁺)(*)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017 & SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	0,18
20	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2017	2,3x10 ¹	3.000

Chú thích:

SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

(*) : Thông số chưa được VILAS công nhận

52

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
- Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

22.1044/4DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/11/2022

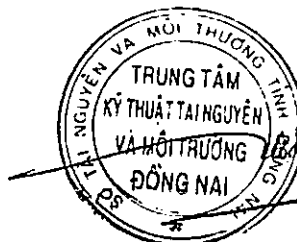
Trang 1/2

- Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN KCN DẦU GIÂY
Km 2, TL 769, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, Đồng Nai
- Vị trí lấy mẫu : Suối Bí đoạn qua xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
- Tên mẫu : Nước mặt
- Ký hiệu mẫu : NM1
- Ngày lấy mẫu : 10/11/2022
- Ngày nhận mẫu : 10/11/2022
- Thời gian thử nghiệm : 10/11/2022 - 28/11/2022
- Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Kết quả : Xem trang 2/2

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

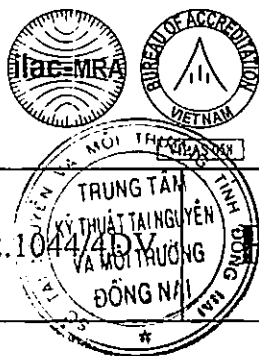
Lê Thị Thúy Phương

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Phương Lan

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
- Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

22.1044/4ĐV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/11/2022

Trang 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN08-MT:2015/BTNMT Cột A2
1	pH		TCVN 6492:2011	7,43	6 - 8,5
2	Màu	Pt - Co	SMEWW 2120 C:2017	13	-
3	Ôxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	7,34	≥ 5
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	SMEWW 5210 B:2017	3	6
5	COD	mg/L	SMEWW 5220 C:2017	11	15
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	22	30
7	Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,20	0,3
8	Tổng nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	3,68	-
9	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,18	-
10	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B & D:2017	< 0,1	-
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520 B & F: 2017	< 0,5	-
12	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3114 B & C:2017	< 0,001	0,02
13	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	< 0,0005	0,001
14	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113 B:2017	< 0,001	0,02
15	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113 B:2017	< 0,0005	0,005
16	Crôm VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	< 0,01	0,02
17	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,004	0,2
18	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3120 B:2017	< 0,05	1
19	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	1,35	1
20	Crôm III (Cr ³⁺)(*)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017 & SMEWW 3120 B:2017	< 0,01	-
21	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2017	2,4x10 ⁴	5.000

Chú thích:

SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

(*) : Thông số chưa được VILAS công nhận

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
- Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



22.1044/5DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/11/2022

Trang 1/2

- Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN KCN DẦU GIÂY
Km 2, TL 769, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, Đồng Nai
- Vị trí lấy mẫu : Từ HTXLNT
- Tên mẫu : Bùn thải
- Ký hiệu mẫu : B1
- Ngày lấy mẫu : 10/11/2022
- Ngày nhận mẫu : 10/11/2022
- Thời gian thử nghiệm : 11/11/2022 - 21/11/2022
- Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Kết quả : Xem trang 2/2

TP. PHÂN TÍCH THỬ NGHIỆM

Lê Thị Thúy Phượng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Phương Lan



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
520 Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

22.1044/SDV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/11/2022

Trang 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT Ngưỡng CINH	
					Hàm lượng tuyệt đối H _{tc} (ppm)	Nồng độ ngâm chiết C _{tc} (mg/L)
1	Asen (As)	mg/L	USEPA 1311:1992 & SMEWW 3120 B:2017	< 0,1	-	2
2	Bari (Ba)	mg/L		0,13	-	100
3	Cadimi (Cd)	mg/L		< 0,01	-	0,5
4	Bạc (Ag)	mg/L		< 0,1	-	5
5	Chì (Pb)	mg/L		< 0,05	-	15
6	Coban (Co)	mg/L		< 0,05	-	80
7	Kẽm (Zn)	mg/L		14,0	-	250
8	Selen (Se)	mg/L		< 0,1	-	1
9	Niken (Ni)	mg/L		0,06	-	70
10	Thủy ngân (Hg)	mg/L	USEPA 1311:1992 & TCVN 7877:2008	< 0,0005	-	0,2
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	USEPA 1311:1992 & SMEWW 3500-Cr B:2017	< 0,05	-	5
12	Tổng xyanua (CN ⁻)	ppm	USEPA 9013:2004 & USEPA 9010:2004 & USEPA 9014:1996	< 2	114	-
13	Tổng dầu	mg/L	USEPA 1311:1992 & SMEWW 5520 B:2017	< 5	-	50
14	Tỷ số T		Tk.TCVN 6648:2000	0,15	-	-
15	Phenol (*)	mg/L	USEPA Method 1311 & USEPA Method 8041A	KPH (LOD=0,5)	-	1.000

Chú thích:

SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

USEPA : United States Environmental Protection Agency

Tk : Tham khảo

KPH : Không phát hiện

LOD : Giới hạn phát hiện

(*) Do Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thực hiện theo Phiếu kết quả thử nghiệm số KT3-05699BMT2 ngày 21/11/2022

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
- Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai hàng văn bản
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng